

Phụ Chú Giải Tạng Luật – Hai Mẫu Đề – Phẩm Về Các Giới Phải Thù Tội

Pāṭidesanīyakaṇḍo

Phẩm Ưng Phát Lộ

1. Paṭhamapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā

1. Giải Thích Điều Học Ưng Phát Lộ Thứ Nhất

Pāṭidesanīyesu paṭhame **antaragharaṃ pavittṭhāyāti** vacanato sace tassā antarārāmādīsu ṭhatvāpi dadamānāya hatthato sayamaṃ rathiyābyūhasiṅghāṭakagharānaṃ aññatarasmim ṭhitopi gaṇhāti, doso natthi. Tassā pana rathiyādīsu ṭhatvā dadamānāya, rathiyādīsu vā, antarārāmādīsu vā ṭhatvāpi yaṃkiñci āmisamaṃ ajjhoharaṇatthāya gaṇhato paṭiggahaṇe dukkaṭamaṃ, ajjhohāre ajjhohāre pāṭidesanīyamaṃ. Tassa desetabbākāro **gārayhamaṃ āvusotiādinā** nayena sikkhāpade dassitoyeva.

Trong các điều học Ưng Phát Lộ, ở điều thứ nhất, với câu **đã đi vào trong xóm**, nếu vị ấy đứng ở một trong những nơi như đường đi, ngã ba, ngã tư, hoặc nhà cửa, rồi nhận từ tay của vị tỳ-khưu-ni ấy, người đang đứng ở trong khuôn viên tự viện v.v... để cho, thì không có tội. Nhưng khi vị tỳ-khưu-ni ấy đứng ở đường đi v.v... để cho, và vị tỳ-khưu đứng ở đường đi v.v... hoặc trong khuôn viên tự viện v.v... nhận bất cứ vật thực nào với mục đích để ăn, thì có tội Tác Ác trong lúc nhận, và có tội Ưng Phát Lộ mỗi khi ăn. Cách thức sám hối tội ấy đã được chỉ rõ trong điều học theo phương pháp bắt đầu bằng câu: **‘Thưa hiền hữu, là điều đáng chê trách.’**

Sāvatthiyaṃ aññataraṃ bhikkhuṃ ārabha aññātikāya bhikkhuniyā antaragharaṃ pavittṭhāya hatthato āmisamaṃ paṭiggahaṇavatthusmim paññattaṃ, asādhāraṇapaññatti, anāṇattikaṃ, yathā cetaṃ, tathā sesānipi, tikapāṭidesanīyamaṃ, yāmakālikādīsu paṭiggahaṇepi ajjhoharaṇepi dukkaṭamaṃ, ekatoupasampannāya yāvakālikepi tatheva, ñātikāya aññātikasaññivematikānampi eseva nayo. Ñātikasaññino pana, ñātikāya vā dāpentiyā, upanikkhipitvā vā dadamānāya, yā ca antarārāmabhikkhunupassayatitthiyaseyyapaṭikkamanesu ṭhatvā gāmato bahi nīharitvā, yāmakālikādīni vā “sati paccaye paribhuñjā”ti deti, tassa, sikkhamānasāmaṇerīnañca hatthato gaṇetvā paribhuñjantassa, ummattakādīnañca anāpatti.

Paripuṇṇūpasampannatā, aññātikatā, antaraghare ṭhitāya hatthato sahatthā paṭiggahaṇamaṃ, yāvakālikatā, ajjhoharaṇanti imānettha pañca aṅgāni. Samuṭṭhānādīni eḷakalomasadisānīti.

(Điều học này) đã được chế định ở Sāvatthī, liên quan đến một tỳ-khưu nọ, trong trường hợp nhận vật thực từ tay của một tỳ-khưu-ni không phải là bà con đã đi vào trong xóm. Đây là sự chế định không phổ thông, không do yêu cầu. Giống như điều này, các điều còn lại cũng vậy. Là tội Ưng Phát Lộ có ba trường hợp. Khi nhận và cả khi ăn các vật cất giữ

qua đêm v.v... thì phạm Tác Ác. Đối với vật thực suốt đời từ một vị (tỳ-khưu-ni) đã thọ cụ túc giới ở một bên (phía tỳ-khưu-ni) cũng tương tự. Đối với người có nhận thức là không phải bà con hoặc có sự nghi ngờ về một người là bà con, phương pháp cũng như vậy. Tuy nhiên, vô tội đối với vị có nhận thức là bà con, hoặc khi vị tỳ-khưu-ni là bà con bảo người khác dâng cúng, hoặc khi dâng cúng bằng cách đặt xuống, và đối với vị (tỳ-khưu-ni) đứng ở trong khuôn viên tự viện, trú xứ tỳ-khưu-ni, chỗ ở của ngoại đạo, nơi vắng vẻ rồi mang ra khỏi làng, hoặc cho các vật cất giữ qua đêm v.v... với lời dặn: ‘khi có duyên thì dùng,’ và đối với người nhận từ tay của cô ni tu tập sự và sa-di-ni rồi dùng, và đối với người bị mất trí v.v... Ở đây có năm chi phần: (vị tỳ-khưu-ni) đã thọ cụ túc giới trọn vẹn, không phải là bà con, (vị tỳ-khưu-ni) đứng trong xóm (và vị tỳ-khưu) tự tay nhận từ tay (của vị ấy), là vật thực suốt đời, và việc ăn. Các pháp sanh khởi v.v... tương tự như điều học về lông cừu.

Paṭhamapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần giải thích điều học Ưng Phát Lộ thứ nhất.

2. Dutiyapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā

2. Giải Thích Điều Học Ưng Phát Lộ Thứ Hai

Dutiye **idha sūpantiādi vosāsanākāradassanaṃ. Apasakka tāva bhaginī** tiādi apasādetabbākāradassanaṃ. Tatrāyaṃ vinicchayo – ekenāpi bhikkhunā anapasādite ajjhoharaṇatthāya āmisam gaṇhantānaṃ paṭiggahaṇe dukkaṭaṃ, ajjhohāre ajjhohāre pāṭidesanīyanti.

Trong điều học thứ hai, câu bắt đầu bằng **canh ở đây** là để chỉ ra cách thức chỉ bảo. Câu bắt đầu bằng **này chị, hãy lui ra một lát** là để chỉ ra cách thức cho lui ra. Ở đây, sự quyết đoán là như vậy: Khi (các tỳ-khưu) nhận vật thực để ăn trong lúc không có một tỳ-khưu nào cho (tỳ-khưu-ni) lui ra, thì có tội Tác Ác trong lúc nhận, và có tội Ưng Phát Lộ mỗi khi ăn.

Rājagahe chabbaggiye ārabba bhikkhuniyā vosāsantiyā nanivāraṇavatthusmiṃ paññattaṃ, tikapāṭidesanīyaṃ, ekatoupasampannāya vosāsantiyā nanivārentassa dukkaṭaṃ, tathā anupasampannāya upasampannasaññino vematikassa ca.

Anupasampannasaññino, pana yo ca attano vā bhattaṃ dāpentiyaṃ, aññesaṃ vā bhattaṃ dentiyaṃ, yaṃ vā na dinnaṃ, taṃ dāpentiyaṃ, yattha vā na dinnaṃ, tattha, sabbesaṃ vā samakaṃ dāpentiyaṃ, sikkhamānāya vā sāmaṇeriyā vā vosāsantiyā paṭiggahetvā bhuñjati, tassa, pañca bhojanāni ṭhapetvā sabbattha, ummattakādīnañca anāpatti.

Paripuṇṇūpasampannatā, pañcabhojanatā, antaraghare anuññātapakārato aññathā vosāsanā, anivāraṇā, ajjhoharaṇanti imānettha pañca aṅgāni. Samuṭṭhānādini

kathinasadisānīti.

(Điều học này) đã được chế định ở Rājagaha, liên quan đến nhóm sáu tỳ-khưu, trong trường hợp không ngăn cản một tỳ-khưu-ni đang chỉ bảo. Là tội Ưng Phát Lộ có ba trường hợp. Khi một vị (tỳ-khưu-ni) đã thọ cụ túc giới ở một bên đang chỉ bảo mà không ngăn cản thì phạm Tác Ác. Tương tự đối với người có nhận thức là đã thọ cụ túc giới hoặc có sự nghi ngờ về một người chưa thọ cụ túc giới. Tuy nhiên, vô tội đối với người có nhận thức là chưa thọ cụ túc giới, và đối với người nhận rồi ăn khi (tỳ-khưu-ni) đang chỉ bảo việc dâng vật thực của chính mình, hoặc đang dâng vật thực của người khác, hoặc đang chỉ bảo dâng vật thực chưa được dâng, hoặc ở nơi chưa được dâng, hoặc đang chỉ bảo dâng đồng đều cho tất cả, hoặc khi một cô ni tu tập sự hay một sa-di-ni đang chỉ bảo, và ở khắp nơi ngoại trừ năm loại vật thực, và đối với người bị mất trí v.v... Ở đây có năm chi phần: (vị tỳ-khưu-ni) đã thọ cụ túc giới trọn vẹn, là năm loại vật thực, sự chỉ bảo trong xóm khác với cách thức được cho phép, không ngăn cản, và việc ăn. Các pháp sanh khởi v.v... tương tự như điều học về Kathina.

Dutiyapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần giải thích điều học Ưng Phát Lộ thứ hai.

3. Tatiyapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā**3. Giải Thích Điều Học Ưng Phát Lộ Thứ Ba**

Tatiye **sekkhasammatānīti** laddhasekkhasammutikāni. **Pubbe animantito** ti gharūpacārokkamanato paṭhamataraṃ upacāraṃ anokkamanteyeva pubbe animantito. **Agilāno** nāma yo sakkoti piṇḍāya caritum. **Pāṭidesanīyanti** gharūpacāraṃ okkamitvā āmisam gaṇhantassa paṭiggahaṇe tāva dukkaṭaṃ, taṃ gaḥetvā yatthakatthaci bhuñjantassa ajjhohāre ajjhohāre pāṭidesanīyanti.

Trong điều học thứ ba, **những gia đình được công nhận là hữu học** có nghĩa là những gia đình đã có được sự công nhận là hữu học. **Không được thỉnh mời trước** có nghĩa là không được thỉnh mời trước khi đi vào khu vực phụ cận của ngôi nhà, tức là trước khi đi vào khu vực phụ cận đầu tiên. **Không bệnh** có nghĩa là người có thể đi khát thực được. **Ưng Phát Lộ** có nghĩa là khi đi vào khu vực phụ cận của ngôi nhà và nhận vật thực, trước tiên có tội Tác Ác trong lúc nhận; sau khi nhận vật thực ấy rồi ăn ở bất cứ nơi nào, có tội Ưng Phát Lộ mỗi khi ăn.

Sāvatthiyaṃ sambahule bhikkhū ārabha na mattaṃ jānitvā paṭiggahaṇavatthusmiṃ paññattaṃ, “pubbe animantito, agilāno”ti imā panettha dve anupaññattiyo, tikapāṭidesanīyaṃ, yāmakālikādīsu paṭiggahaṇepi ajjhohārepi dukkaṭaṃ, tathā asekkhasammate sekkhasammatasaññino vematikassa ca. Asekkhasammatasaññino, pana yo ca pubbe nimantito vā gilāno vā aññassa vā tesam ghare paññattaṃ bhikkhaṃ gaṇhāti, yassa ca gharato nīharitvā, āsanasālādīsu vā bhikkhuṃ adisvā paṭhamameva

nīharitvā, dvāramūle vā ṭhapitaṃ denti, tassa taṃ bhuñjantassa, niccabhattake, salākabhatte, pakkhike, uposathike, pāṭipadike, yāmakālikādiṃ “sati paccaye paribhuñjā”ti dinnam paribhuñjantassa, ummattakādīnañca anāpatti. Sekkhasammatatā, pubbe animantitatā, agilānatā, gharūpacārokkamanam, ṭhapetvā niccabhattakādīni aññam āmisam gahetvā bhuñjananti imānettha pañca aṅgāni. Samuṭṭhānādīni eḷakalomasadisānīti.

(Điều học này) đã được chế định ở Sāvattthī, liên quan đến nhiều tỳ-khưu, trong trường hợp nhận (vật thực) mà không biết chừng mực. Ở đây có hai sự chế định phụ là ‘không được thỉnh mời trước’ và ‘không bệnh.’ Là tội Ưng Phát Lộ có ba trường hợp. Khi nhận và cả khi ăn các vật cất giữ qua đêm v.v... thì phạm Tác Ác. Tương tự đối với người có nhận thức là (gia đình) được công nhận hữu học hoặc có sự nghi ngờ về một gia đình không được công nhận là hữu học. Tuy nhiên, vô tội đối với người có nhận thức là (gia đình) không được công nhận là hữu học, và đối với người đã được thỉnh mời trước hoặc bị bệnh, hoặc nhận vật thực khát thực được chuẩn bị trong nhà của họ cho người khác; và đối với người nhận và ăn vật thực mà người ta mang ra khỏi nhà, hoặc mang ra trước tiên ở các nơi như nhà hội chúng v.v... mà không thấy tỳ-khưu, hoặc dâng cúng vật đã được đặt ở ngưỡng cửa; và đối với người dùng vật thực thường xuyên, vật thực theo thể, vật thực nửa tháng, vật thực ngày trai giới, vật thực ngày đầu tháng, và dùng vật cất giữ qua đêm v.v... đã được cho với lời dặn: ‘khi có duyên thì dùng,’ và đối với người bị mất trí v.v... Ở đây có năm chi phần: (gia đình) được công nhận là hữu học, không được thỉnh mời trước, không bệnh, đi vào khu vực phụ cận của ngôi nhà, và nhận và ăn vật thực khác ngoại trừ các vật thực thường xuyên v.v... Các pháp sanh khởi v.v... tương tự như điều học về lông cừu.

Tatīyapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần giải thích điều học Ưng Phát Lộ thứ ba.

4. Catutthapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā

4. Giải Thích Điều Học Ưng Phát Lộ Thứ Tư

Catutthe **yāni kho pana tāni āraññakānīti**ādi cīvaravippavāsasikkhāpade vuttanayeneva veditabbam. **Pubbe appaṭisaṃviditanti** ettha yaṃ itthiyā vā purisena vā gahatṭhena vā pabbajitena vā āramam vā ārāmūpacāram vā pavisitvā “itthannāmassa, bhante, kulassa khādanīyam vā bhojanīyam vā āhariyissatī”ti (pāci. 573) ārocitaṃ, taṃ pacchā yathāārocitameva vā āhariyatu, tassa parivāram katvā aññam vā tena saddhiṃ bahukampi, “itthannāmam kulam paṭisaṃviditaṃ katvā khādanīyam vā bhojanīyam vā gahetvā gacchatī”ti sutvā aññāni vā kulāni tehi saddhiṃ āharantu, taṃ sabbam **paṭisaṃviditaṃ** nāma. Yaṃ pana evam anārocitaṃ anāhaṭaṇṇa, taṃ **appaṭisaṃviditaṃ** nāma. **Agilāno** nāma yo sakkoti piṇḍāya gantum. **Pāṭidesanīya** nti evarūpaṃ antamaso āramamajjhena gacchantehi addhikehi dinnampi ārāme vā ārāmūpacāre vā paṭiggahetvā ajjhoharantassa paṭiggahaṇe dukkaṭam, ajjhohāre

ajjhohāre pāṭidesanīyanti.

Trong điều học thứ tư, câu bắt đầu bằng **những trú xứ trong rừng nào** nên được hiểu theo cách đã được nói trong điều học về việc xa lìa y. Ở đây, **chưa được báo trước** có nghĩa là điều gì đã được một người nữ, người nam, tại gia, hay xuất gia báo cho biết sau khi đã vào trong tự viện hoặc khu vực phụ cận của tự viện rằng: ‘Bạch ngài, người của gia đình tên... sẽ mang đến vật cứng hoặc vật mềm,’ (pāci. 573) sau đó, người ấy có thể mang đến đúng như đã báo, hoặc làm thành đồ tùy tùng và mang đến nhiều thứ khác cùng với vật đó; hoặc sau khi nghe rằng: ‘gia đình tên... sau khi đã báo trước, đang đi mang theo vật cứng hoặc vật mềm,’ các gia đình khác cũng mang đến cùng với họ, tất cả những điều đó được gọi là **đã được báo trước**. Còn điều gì không được báo trước và không được mang đến như vậy thì được gọi là **chưa được báo trước**. **Không bệnh** có nghĩa là người có thể đi khát thực được. **Ứng Phát Lộ** có nghĩa là đối với vật thực như vậy, ngay cả được cho bởi những người đi đường đang đi ngang qua giữa tự viện, khi nhận trong tự viện hoặc trong khu vực phụ cận của tự viện rồi ăn, thì có tội Tác Ác trong lúc nhận, và có tội Ứng Phát Lộ mỗi khi ăn.

Sakkesu sambahule bhikkhū ārabha ārāme core paṭivasante anārocanavatthusmiṃ paññattaṃ, “agilāno”ti ayamettha ekā anupaññatti, tikapāṭidesanīyaṃ, yāmakālikādīsu āhāratthāya paṭiggahaṇepi ajjhohārepi dukkaṭameva, tathā paṭisaṃvidite appaṭisaṃviditasaññino vematikassa ca, paṭisaṃviditasaññino, pana gilānassa, yo ca paṭisaṃviditaṃ katvā āhaṭaṃ vā gilānāvasesakaṃ vā bahārāme vā paṭiggahitaṃ, tatthajātakameva vā mūlaphalādiṃ, yāmakālikādīsu vā yaṃkiñci “sati paccaye paribhuñjā”ti laddhaṃ paribhuñjantassa, ummattakādīnañca anāpatti.

Yathāvuttaāraññakasenāsanatā, yāvakālikassa atattahajātakatā, agilānatā, agilānāvasesakatā, appaṭisaṃviditatā, ajjhārāme paṭiggahaṇaṃ, ajjhoharaṇanti imānettha satta aṅgāni. Samuṭṭhānādīni kathinasadisāneva, idaṃ pana kiriyaṃkiriyaṃ.

(Điều học này) đã được chế định ở xứ Sakka, liên quan đến nhiều tỳ-khưu, trong trường hợp không báo trước khi có kẻ trộm đang sống trong tự viện. Ở đây có một sự chế định phụ là ‘không bệnh.’ Là tội Ứng Phát Lộ có ba trường hợp. Khi nhận với mục đích để ăn và cả khi ăn các vật cất giữ qua đêm v.v... thì đều phạm Tác Ác. Tương tự đối với người có nhận thức là chưa được báo trước hoặc có sự nghi ngờ về một (vật thực) đã được báo trước. Tuy nhiên, vô tội đối với người có nhận thức là đã được báo trước, đối với người bệnh, và đối với người dùng vật thực đã được mang đến sau khi báo trước, hoặc vật thực còn lại của người bệnh, hoặc vật thực đã được nhận ở bên ngoài tự viện, hoặc rẽ cây, trái cây v.v... sanh trưởng ngay tại đó, hoặc bất cứ vật gì trong số các vật cất giữ qua đêm v.v... đã nhận được với lời dặn: ‘khi có duyên thì dùng,’ và đối với người bị mất trí v.v... Ở đây có bảy chi phần: là trú xứ trong rừng như đã nói, vật thực suốt đời không sanh trưởng tại đó, không bệnh, không phải là vật thực còn lại của người bệnh, chưa được báo trước, nhận ở trong tự viện, và việc ăn. Các pháp sanh khởi v.v... tương tự như điều học về

Kathina, nhưng điều này là hành vi và phi hành vi.

Catutthapāṭidesanīyasikkhāpadavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần giải thích điều học Ưng Phát Lộ thứ tư.

Kaṅkhāvitarāṇiyā pātimokkhavaṇṇanāya

Trong phần giải thích Giới Bốn của bộ Kaṅkhāvitarāṇī

Pāṭidesanīyavaṇṇanā niṭṭhitā.

Dứt phần giải thích về các tội Ưng Phát Lộ.